

GÓP THÊM MỘT CÁCH HIỂU VỀ TƯ DUY

NGUYỄN THỊ THÚY VÂN*

Tóm tắt: Trong bài viết này, tác giả góp thêm một cách hiểu về tư duy thông qua phân tích quan niệm của C.Mác cho rằng ý niệm chẳng qua chỉ là vật chất được di chuyển vào đầu óc con người và được cải biến trong đó. Theo tác giả, tư duy không chỉ là sự phản ánh mà còn là một quá trình, một hoạt động. Đó là một trong những nét đặc trưng nhất của tư duy.

Từ khóa: Tư duy, vật chất, ý niệm, phản ánh, duy vật, duy tâm.

Tư duy là một khái niệm cơ bản của triết học. Tuy nhiên, hiện đang có rất nhiều định nghĩa về tư duy: "Tư duy - sản phẩm cao nhất của cái vật chất được tổ chức một cách đặc biệt là *bộ não*, quá trình phản ánh tích cực thế giới khách quan trong các khái niệm, phán đoán, lý luận, v.v."⁽¹⁾; "Tư duy là hình thái cao của sự phản ánh thực tế khách quan một cách tích cực, đó là sự nhận thức gián tiếp hoá, khái quát hoá và có mục đích do chủ thể đặt ra nhằm nắm được những mối liên hệ, quan hệ cơ bản của các sự vật và hiện tượng, tạo ra các ý niệm mới và đi sâu vào bản chất của các sự kiện và quá trình. Tư duy xuất hiện và thực hiện trong quá trình người ta đặt ra và giải quyết các vấn đề thực tiễn và lý luận"; "Tư duy là quá trình tích cực qua đó, thế giới khách quan được phản ánh trong các khái niệm, phán đoán, lý thuyết,... và nó gắn với việc giải quyết các vấn đề; là sản phẩm cao nhất của dạng vật chất được tổ chức một cách đặc biệt, đó là *bộ não*"; "Tư duy là quá trình giải quyết các vấn đề, đó là quá trình chuyển dịch từ các

điều kiện tạo lập vấn đề đến việc thu nhận các kết quả giải quyết vấn đề đặt ra. Tư duy định hướng hoạt động kiến thức tích cực nhằm kiến tạo lại những dữ liệu ban đầu bằng các thao tác phân tích, tổng hợp, bổ sung"; "Tư duy là tổng thể các quá trình tâm trí, trong đó các sự vật, hiện tượng và ý niệm được nhào nặn dưới những hình thức biểu tượng"; "Tư duy là sự phản ứng mang tính biểu tượng kín đáo khi có kích thích bên trong hoặc từ bên ngoài. Tư duy là khâu trung gian giữa hoạt động bên trong và kích thích bên ngoài"⁽²⁾.

Các định nghĩa trên đều có yếu tố hợp lý. Tuy nhiên, có một định nghĩa khác rất sâu sắc, đó là định nghĩa của C.Mác: "Ý niệm chẳng qua chỉ là vật chất được

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội.

⁽¹⁾ (1986), *Từ điển triết học*, Nxb Tiến bộ Mátxcova, tr. 634.

⁽²⁾ Xem: Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên) (2011), *Đặc điểm tư duy và lối sống của con người Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 10-11.

di chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó⁽³⁾. Thuật ngữ “ý niệm” C.Mác dùng ở đây chính là nói về tư duy, bởi luận điểm này ra đời trên cơ sở sự phê phán của C.Mác về quan điểm tư duy của Hêghen: “Đối với Hêghen, quá trình tư duy – mà ông ta thậm chí còn biến thành một chủ thể độc lập dưới cái tên gọi ý niệm – chính là vị thần sáng tạo ra hiện thực⁽⁴⁾. Quan điểm của C.Mác về tư duy có hai nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, tư duy là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ não con người. Nếu mặt thứ nhất trong vấn đề cơ bản của triết học là trả lời câu hỏi giữa vật chất và ý thức, cái nào có trước, cái nào quyết định cái nào, thì quan niệm trên của C.Mác về tư duy đã thể hiện rõ lập trường duy vật: tư duy là tính thứ hai so với vật chất, là sự sáng tạo lại hiện thực dưới dạng tinh thần. Quan điểm đó cho thấy, xét đến cùng mọi nội dung phản ánh của tư duy đều có nguồn gốc từ hiện thực khách quan (từ tồn tại). Không có hiện thực với tư cách là khách thể nhận thức thì sẽ không có tư duy. Nhưng mặt khác, *hiện thực mới là điều kiện cần, hoạt động của hệ thần kinh trung ương trong bộ óc người mới là điều kiện đủ* làm hình thành hoạt động nhận thức. Vì vậy, “Sự đối lập giữa vật chất và ý thức chỉ có ý nghĩa tuyệt đối trong những phạm vi hết sức hạn chế: trong trường hợp này, chỉ giới hạn trong vấn đề nhận thức luận cơ bản là thừa nhận cái gì là cái có trước và cái gì là cái có sau? Ngoài giới hạn đó thì không còn nghi ngờ gì nữa rằng sự đối lập đó là tương

đối⁽⁵⁾. C.Mác và Ph.Ăngghen đã chứng minh rằng, lao động là một trong hai nguồn gốc quan trọng nhất biến vượn thành người. C.Mác đặc biệt chú ý sự phân biệt giữa con người với con vật ở chỗ, con người có tư duy còn con vật thì không. Ông dùng hình ảnh so sánh giữa kiến trúc sư tồi nhất với con ong: người kiến trúc sư thì không thể xây dựng được những ngăn tổ ong đẹp và tốt như con ong, nhưng cái hơn của người kiến trúc sư so với con ong ở chỗ trước khi xây những ngăn tổ đó trong thực tế thì người kiến trúc sư đã “xây dựng” nó ở trong đầu mình rồi. Như thế, người kiến trúc sư có thể xây dựng những thứ do mình sáng tạo ra, trên cơ sở tiếp nhận những tác động từ bên ngoài qua nhận thức và hoạt động thực tiễn, điều mà con ong không bao giờ và không thể nào làm được. Nó chỉ có thể xây dựng những ngăn tổ cho chính nó theo bản năng sinh tồn của nó mà thôi. Như vậy, tư duy là một hiện tượng gắn với con người, cụ thể hơn là gắn với hoạt động của bộ não người. Tuy nhiên, sự di chuyển của vật chất vào bộ não con người được thực hiện như thế nào? Điều này liên quan đến đặc điểm của sự phản ánh.

Thứ hai, tư duy con người về hiện thực khách quan là một hình thức phản ánh đặc thù. Nó là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan, bởi đây là sự phản ánh thế giới bên ngoài bởi con người.

⁽³⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 35.

⁽⁴⁾ *Sđđ*, tr.35.

⁽⁵⁾ V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.173.

Mặc dù thuộc tính phản ánh của bộ óc người là sự tiến hoá đến trình độ cao trong các hình thức phản ánh của giới tự nhiên, nhưng đến con người và cùng với con người thuộc tính phản ánh đã chuyển sang một trạng thái mới hoàn toàn về chất. Đây là sự phản ánh có biến đổi, cải biến. Đó là sự phản ánh mà khách thể phản ánh khi được tái tạo lại trong tư duy "vừa là nó lại vừa không phải là nó nữa". "Nó là nó" bởi nội dung của đối tượng phản ánh và nội dung của sự phản ánh về đối tượng là một. Nhưng "nó không phải là nó" bởi đây là "đối tượng đã được nhận thức". Chỉ có sự khái quát về mặt lý luận mới cho phép tư duy con người tìm ra bản chất và các quy luật phát triển của sự vật. Đó là điểm khác biệt căn bản giữa phản ánh ở người và các dạng phản ánh khác trong tự nhiên. Với sự trừu tượng hoá, khái quát hoá về thế giới khách quan, phản ánh trong tư duy đã tách thoát khỏi sự tác động trực tiếp, bề ngoài, ngẫu nhiên của đối tượng để đi đến những nhận thức sâu sắc về bản chất, quy luật của đối tượng. Ở trình độ *tư duy về đối tượng*, người ta không chỉ thấy chính đối tượng với tư cách là cái đang tồn tại, hiện hữu mà đồng thời còn là đối tượng trong sự vận động, phát triển, trong những liên hệ, quan hệ làm nên nó và biến nó thành cái khác. Như vậy là, có sự phân biệt giữa *đối tượng phản ánh* và *sự phản ánh về đối tượng*. Nếu hiểu tư duy là sự phản ánh về đối tượng đúng như nó đang tồn tại thì đó mới là nhận thức ở trình độ nhận thức trực quan (và ngay cả ở trình độ này, không phải lúc

nào nhận thức cũng đạt tới tính chân lý khi phản ánh nó). "Chủ nghĩa Mác quan niệm sự phản ánh một cách biện chứng như là một quá trình phức tạp và mâu thuẫn của sự tác động qua lại giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính, giữa hoạt động tư duy và hoạt động thực tiễn, như là một quá trình trong đó con người không thích nghi một cách thụ động với thế giới bên ngoài, mà tác động tới nó, cải tạo nó và bắt nó phải phục tùng những mục đích của mình"⁽⁶⁾.

Và ngay cả khi tư duy đạt tới trình độ phản ánh lý tính về đối tượng thì trên thực tế sự phản ánh đó (xét về nội dung) cũng không hoàn toàn đồng nhất với đối tượng phản ánh (mặc dù về mặt lý thuyết có thể có sự đồng nhất như vậy). Đối tượng luôn vận động, còn nhận thức của con người về đối tượng luôn bị phụ thuộc không chỉ vào đối tượng mà còn vào năng lực nhận thức của chủ thể, vào trình độ phát triển của công cụ lao động và rất nhiều yếu tố khác không liên quan đến chính đối tượng. Quan trọng hơn nữa, khi có những tri thức về đối tượng thì những tri thức đó buộc phải được thể hiện thông qua những hình thức của tư duy. Mặc dù những hình thức của tư duy có nguồn gốc khách quan từ hiện thực, bị những tính quy định của hiện thực chi phối, nhưng trong sự tồn tại và phát triển của mình, hình thức của tư duy cũng có những con đường riêng biệt và trong nhiều trường hợp tách rời một cách độc lập tương đối so với hiện thực. Vì thế, giữa nhận thức và hiện thực,

⁽⁶⁾ (1975), *Từ điển Triết học*, Nxb Chính trị, Mátxcova, tr. 429 - 430.

giữa chủ thể phản ánh và đối tượng phản ánh *vừa có sự đồng nhất lại vừa có sự khác biệt*. Đây là bước tiến trong quan niệm về tư duy của các nhà kinh điển mácxít trước những bế tắc và khủng hoảng của các quan niệm về tư duy trong triết học trước C.Mác cả ở chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật.

Như vậy, trong quá trình phản ánh về đối tượng, cái mà tư duy lĩnh hội được chỉ là “hình ảnh” về đối tượng chứ không phải là chính đối tượng. Cũng cần lưu ý rằng, thế giới mà con người đang tồn tại là *sự kết hợp giữa thế giới (tự nhiên - xã hội) “tự nó” và thế giới được tạo ra bởi kết quả nhận thức sáng tạo của con người (thế giới “cho ta”)*. Cái thế giới “cho ta” đó có được nhờ sự nhận thức về hiện thực và khả năng sáng tạo của tư duy con người thông qua hoạt động thực tiễn.

Một trong những nét đặc trưng nhất trong tư duy thể hiện ở chỗ, tư duy không chỉ là sự phản ánh mà còn là một quá trình, một hoạt động. Nó không chỉ nhận thức bản thân hiện thực tự nó, mà còn là quá trình tiến tới cái mới (cái được tạo ra từ quá trình nhận thức, có một phần nguyên mẫu từ hiện thực nhưng đã được cải biến, sáng tạo). Trong quá trình nhận thức, tư duy không chỉ làm biến đổi khách thể mà còn làm thay đổi chính mình. Và như thế, xét đến cùng *bản chất của tư duy* “là sự phản ánh giới tự nhiên bởi con người. Nhưng đó không phải là sự phản ánh đơn giản, trực tiếp, hoàn chỉnh, mà là một quá trình cả một chuỗi những sự trừu tượng, sự cấu thành, sự hình thành ra các khái niệm, quy luật... Con người

không thể nắm được = phản ánh = miêu tả toàn bộ giới tự nhiên một cách đầy đủ, “tính chính thể trực tiếp của nó”, con người chỉ có thể đi gần mãi đến đó, bằng cách tạo ra những trừu tượng, những khái niệm, những quy luật, một bức tranh khoa học về thế giới”⁽⁷⁾.

Nhiều tác giả khi phân tích luận điểm của C.Mác về tư duy (“ý niệm chẳng qua là vật chất được di chuyển vào đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó”) đều cho rằng, việc coi “ý thức chẳng qua chỉ là vật chất” đã thể hiện lập trường duy vật triệt để của C.Mác trong giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. Dù ở đó, theo tôi là chưa đủ, bởi vì điều đó đã làm giảm rất nhiều những giá trị vĩ đại của cuộc cách mạng về tư tưởng trong triết học C.Mác so với các nhà tư tưởng trước C.Mác.

Để hiểu rõ hơn luận điểm “ý niệm chẳng qua chỉ là vật chất được di chuyển vào đầu óc con người” của C.Mác, cần tham khảo sự phân tích của E.V. Ilencov đối với quan niệm duy vật về tư duy của triết học Mác. Hãy xem cách E.V. Ilencov phân tích khái niệm tư duy thông qua việc phân tích quan niệm về tư duy của Xpinôda. Theo E.V. Ilencov, Xpinôda đã đóng vai trò vô cùng to lớn cho sự phát triển của môn logic học (mà chúng ta còn lâu mới đánh giá hết được) thông qua quan niệm về tư duy. Với Xpinôda thì logic học được hiểu như là một bộ môn khoa học ứng dụng tương tự như y học. Logic học không sáng chế ra các quy tắc nhân tạo, mà là tìm ra “phương

⁽⁷⁾ V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr. 192–193.

thức thể hiện trật tự phổ biến và mối liên hệ của các sự vật” trong tư tưởng. Quan điểm này thật ra rất gần gũi với quan điểm biện chứng khi mà ngay từ thời đó Xpinôda đã mong muốn tìm ra những nguyên tắc nhận thức thể hiện sự tương thích (hay là đồng thuận) giữa tư duy với hiện thực. Quan niệm này xuất phát từ quan niệm nền tảng của Xpinôda về thế giới và con người: không phải có 2 đối tượng nghiên cứu khác nhau và đối lập nhau từ đầu là thể xác và tư duy, mà chỉ có duy nhất một đối tượng, đó là thể xác tư duy của con người sống động, hiện thực được xem xét dưới 2 góc độ khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Suy nghĩ không phải là một linh hồn đặc biệt do Chúa cấy vào thể xác con người như vào một chỗ trú ngụ tạm thời, mà chính tư duy cũng là đặc tính của thể xác con người. Vậy tư duy tự nó không thể là một hiện thực tách rời với thể xác.

Xuất phát từ quan điểm của Xpinôda coi tư duy như là thuộc tính của thực thể, E.V. Ilencov muốn khắc họa rõ nét hơn một cách hiểu duy vật về tư duy khi bản thân nó không chỉ thuần túy là hoạt động của bộ não người: “Việc mưu toan giải thích cái tư tưởng từ các tính chất giải phẫu - sinh lý của não bộ - cũng là thứ việc xuẩn ngốc tương tự giải thích hình thức tiền tệ của sản phẩm lao động từ những tính chất hoá lý đặc biệt của vàng”⁽⁸⁾, mà căn bản hơn tư duy phải được hiểu là chính hình thức hoạt động xã hội tích cực của con người tạo ra và nó được mã hoá vào trong bộ óc người. Vì thế, sự tồn tại *vật chất của tư tưởng* không phải là chính cái tư tưởng mà chỉ là *hình thức thể hiện nó trong cơ thể*

hữu cơ của cá thể. Chỉ riêng điểm này cũng có thể bác bỏ phần lớn quan điểm của triết học phân tích với ý muốn thâm tóm việc nhận thức thế giới thông qua việc phân tích các hình thức ngôn ngữ của tư tưởng. Nói cách khác, các nhà triết học phân tích sai lầm ở chỗ đồng nhất hình thức thể hiện vật chất của tư tưởng với chính tư tưởng. Như vậy, để có được cách hiểu duy vật và khoa học về tư duy, theo E.V. Ilencov, tư duy phải được nhận thức bằng cách phân tích đời sống vật chất và tinh thần của xã hội, chứ không phải được nhận thức bằng cách phân tích giải phẫu và sinh lý của bộ não. “Khi C.Mác định nghĩa cái tư tưởng như là “cái vật chất được vào bộ não người và được cải biến trong nó”, thì ông hoàn toàn không hiểu “cái đầu” ấy một cách tự nhiên chủ nghĩa, theo cách khoa học - tự nhiên. Ở đây ngầm hiểu là cái đầu phát triển về mặt xã hội của con người, mà tất cả các hình thức hoạt động của nó, bắt đầu từ các hình thức ngôn ngữ, từ nguồn dự trữ từ vựng và chế độ ngữ nghĩa của nó và kết thúc bằng các phạm trù lôgic, thực chất là những sản phẩm và hình thức của phát triển xã hội. Chỉ trong khi được diễn tả trong những hình thức ấy, cái bên ngoài, vật chất mới biến thành dữ kiện xã hội, thành phẩm chất của con người xã hội, tức thành cái tư tưởng”⁽⁹⁾. Điều đó cho thấy, tư duy chỉ ra đời trong hoạt động xã hội sống của con người, bởi nếu không thừa nhận như vậy thì sẽ khó tìm

⁽⁸⁾ E.V. Ilencov (2003), *Lôgic học biện chứng*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 335.

⁽⁹⁾ *Sđđ*, tr. 336- 337.

thấy điểm khác nhau về nguyên tắc giữa người kiến trúc sư và chú ong thợ.

Như vậy, thật ra muốn hiểu được tư duy với đúng nghĩa là nó, cần phải có được cách nhìn biện chứng một cách sâu sắc và về điểm này ngay cả sự phân tích của E.V.Ilencov cũng dựa vào cái cách mà Hêghen đã phân tích mà diễn giải. Theo đó, tư tưởng “đấy là cái vừa không có và đồng thời cũng lại có, là cái không tồn tại dưới dạng sự vật bên ngoài được tiếp nhận cảm tính và đồng thời tồn tại như năng lực *hoạt động của con người*. Đấy là tồn tại, mà tuy nhiên, cũng như không tồn tại, hay như tồn tại hiện hữu của sự vật ngoài ở giai đoạn hình thành của nó trong hoạt động của chủ thể, dưới dạng hình tượng nội tại, của nhu cầu, động cơ và mục đích của chủ thể. Chính vì thế *tồn tại tư tưởng* của sự vật còn khác cả với *tồn tại hiện thực* của nó, cũng như với các kết cấu vật thể - vật chất của não bộ và ngôn ngữ, mà nhờ chúng, nó tồn tại được “bên trong” chủ thể. Hình tượng tư tưởng của đối tượng khác về nguyên tắc với các kết cấu của não bộ và ngôn ngữ ở chỗ, nó - là *hình thức của đối tượng ngoài*. Còn hình tượng tư tưởng khác với đối tượng ngoài ở chỗ, nó được vật hoá trực tiếp trong chất bên ngoài của tự nhiên, mà trong thể xác hữu cơ của con người và trong thể xác của ngôn ngữ *như hình tượng chủ quan*. Cái tư tưởng, suy ra, là tồn tại chủ quan của đối tượng này, hay “tồn tại khác” của nó, - tồn tại của một đối tượng trong và qua một đối tượng khác”⁽¹⁰⁾.

Ngay cả 3 yếu tố quan trọng nhất làm hình thành ý thức (đó là *hiện thực, sự*

phát triển của bộ óc người, quá trình lao động của con người), lại chưa phải là các yếu tố đủ để làm hình thành ý thức. *Sự tồn tại khác của đối tượng trong tư tưởng dường như lại tạo ra một đối tượng khác*. Bức tranh “thiên nhiên tự nó” dường như chưa bao giờ là nó khi “di chuyển” vào bộ óc người bởi quá trình tương tác của hiện thực - hoạt động của con người xã hội- tư duy. Cái yếu tố biến hiện thực thành cái không phải nó, nhưng lại là chính nó trong tư duy, theo tôi, là cái chỉ xuất hiện cùng lúc với quá trình tư duy về đối tượng. Sự “tái tạo” lại đối tượng trong nhận thức không chỉ phụ thuộc vào hoạt động của bộ não, vào hình thức thể hiện của ngôn ngữ, vào năng lực phản ánh của tư duy, vào hoạt động thực tiễn (những yếu tố này đều liên quan đến nguồn gốc tự nhiên và xã hội của ý thức), mà còn phụ thuộc vào (và có thể là) những “biểu tượng” cùng lúc xuất hiện nhưng lại trở thành định hướng cho nhận thức trong tính hướng đích của nó.

Tóm lại, để hiểu quan điểm của C.Mác cho rằng “ý niệm chẳng qua chỉ là vật chất được di chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó” thì cần phải làm rõ vấn đề: “sự di chuyển” của vật chất vào bộ óc người diễn ra như thế nào, và nó được “cải biến” ra sao? Vấn đề này, theo tôi vẫn còn phải được tiếp tục nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện hơn. Trên đây là một số suy nghĩ nhằm tìm hiểu sâu hơn một vấn đề rất cũ nhưng rất cơ bản và phức tạp đó của triết học.

⁽¹⁰⁾ *Sđd*, tr. 339 - 340.

